

Photoshop

Toàn Tập

---Chương 5---

Nội dung của trang này thuộc bản quyền của © **Bá tước Monte Cristo - Final Fantasy** và www.vietphotoshop.com. Những bài viết trong này có thể được in ra để dùng với mục đích cá nhân và phi thương mại. Nếu bạn muốn phát hành lại trong trang web của bạn làm ơn liên lạc với tôi hoặc ít nhất phải trích dẫn lại nguồn là: **Bá tước Monte Cristo - Final Fantasy** và www.vietphotoshop.com



Cả Photoshop và ImageReady đều cho phép bạn tách riêng những phần khác nhau của một tấm hình trên các layer. Mỗi layer lại có thể được chỉnh sửa riêng rẽ và cho phép bạn có những khả năng linh hoạt hơn khi tạo và thao tác với hình ảnh.

Trong chương này bạn sẽ học được những việc sau

- Sắp xếp hình ảnh trên layer.
- Tạo layer mới.
- Ẩn hoặc hiện một layer
- Chọn layer
- Loại bỏ chi tiết hoặc hình ảnh trên layer.
- Sắp xếp lại layer để thay đổi theo trình tự sắp xếp trong hình.
- Áp dụng các chế độ hoà trộn cho layer
- Kết nối layer để làm việc cùng 1 lúc.
- Áp dụng Gradient cho layer.
- Thêm text và layer effect cho layer
- Tạo một bản lưu của tài liệu với một layer đã được flatten.

- Tạo một phức hợp layer với sự khác nhau về độ hiển thị (rõ mờ), vị trí và các hiệu ứng.
- Nhân đôi, cập nhật và hiển thị phức hợp layer.

Bài học này sẽ kéo dài trong vòng hai tiếng, vì vậy nếu bạn muốn giải lao ở giữa chừng thì đến hết phần "Tạo một tập hợp layer và thêm một layer" và trước khi bắt đầu là phần "Sử dụng phức hợp layer".

Bắt đầu

Bạn sẽ bắt đầu bài học bằng việc xem file kết quả trước để thấy được phương hướng thực hiện.

1. Khởi động Adobe Photoshop, ấn giữ Ctrl+Alt+Shift (Windows) hoặc Command+Option+Shift (Mac OS) để khôi phục các cài đặt mặc định. (Xem phần “Restoring default preferences”)

Sau khi bảng thông báo xuất hiện, chọn Yes để đồng ý đặt lại mặc định, Không cần cài đặt màu màn hình, và nhấn Close để đóng Welcome Screen.

2. Trên thanh tùy biến công cụ, chọn nút File Browser và sử dụng Folder Palette để chuyển tới thư mục Lessons/Lesson5 trên ổ cứng.

3. Trong khung Thumbnail, chọn file 05End.psd, nó sẽ xuất hiện trong khung xem trước của cửa sổ Browser.

Về layers

Mỗi file trong PhotoShop bao gồm 1 hoặc nhiều layer. Khi bạn mở một file mới, theo mặc định nó sẽ là layer background, layer này có thể chứa một màu nào đó hoặc một hình ảnh mà có thể nhìn thấy qua vùng trong suốt của layer nằm trên nó. Bạn có thể quan sát và thao tác với các layer trên Layers palette.

Những layer mới sẽ là hình trong suốt cho đến khi bạn thêm nội dung hoặc các đơn vị Pixel hình ảnh vào. Làm việc với layer cũng tương tự như bạn vẽ trên một cuốn sách nhiều trang. Mỗi trang giấy có thể được chỉnh sửa, thay đổi vị trí, xóa bỏ mà không ảnh hưởng đến những trang khác. Khi các trang giấy được sắp xếp chồng lên nhau, toàn bộ bức vẽ sẽ hiện lên.

Xem thông tin trên Layers Palette

Layer Pallete hiển thị tất cả layers với tên layer và hình biểu tượng thu nhỏ của mỗi layer. Bạn có thể dùng Layers Palette để giấu, xem, di chuyển vị trí, đổi tên và xóa và merge các layer. Thumbnail của từng layer sẽ tự động update khi bạn chỉnh sửa một layer.

1. Trong cửa sổ thumbnail của File Browser, nhấp đúp vào file 05Start.psd để mở nó ra trong Photoshop. Đừng đóng File Browser vội.

2. Nếu như Layers Pallete không tự động xuất hiện thì chọn Window > Layer.

Khi bạn mở file 05Start.psd ra bạn sẽ nhận thấy có 3 layer được hiển thị trên Layer Palette: đầu tiên là hình tượng người, sau đó là cánh cửa và cuối cùng là Background. Layer Background được tô sáng với màu xanh, có nghĩa rằng nó là layer đang được chọn. Chú ý đến biểu tượng hình thu nhỏ và biểu tượng của layer Background.






Sử dụng menu chữ để ẩn hoặc định lại kích thước của hình biểu tượng thu nhỏ. Nhấp chuột phải vào một vùng trống trên Layer Palette để mở menu chữ, sau đó chọn None, Small, Medium hoặc Large.

3. Sử dụng File Browser lần nữa để mở file Door.psd trong thư mục lesson5. Sau đó đóng file Browser lại.

Layer Palette sẽ thay đổi để hiển thị thông tin về layer và biểu tượng hình thu nhỏ cho file Door.psd. Chỉ có một layer duy nhất trong file Door.psd - Layer 1.

Trong Layer Palette của file 05Start, bạn có thể nhìn thấy 3 biểu tượng nằm trên layer đó: một hình chiếc khoá ở phía bên phải của tên layer, một hình con mắt và một hình cây cọ. Không có biểu tượng nào trên hai layer còn lại.

- Biểu tượng hình chiếc khoá  chỉ ra rằng layer Background được bảo vệ.
- Biểu tượng con mắt  chỉ ra rằng layer này đang được hiển thị trên cửa sổ, nếu bạn nhấn vào con mắt, layer này sẽ biến mất.
- Biểu tượng cây cọ  chỉ ra rằng layer này đang được chọn và những thay đổi nào bạn tạo ra sẽ tác động lên nó và không ảnh hưởng đến các layer khác.

Về layer nền

Khi bạn mở một tài liệu mới với màu nền trắng hoặc một màu khác, layer dưới cùng của Layer Palette sẽ được đặt tên là Background. Một file hình chỉ có thể có một layer Background. Bạn không thể thay đổi vị trí của layer background, chế độ hoà trộn hoặc mức Opacity của nó. Tuy nhiên bạn có thể nâng layer nền thành một layer bình thường.

Khi bạn mở một tài liệu với nền trong suốt, thì tài liệu đó sẽ không có layer Background. Layer cuối cùng trong Layer Palette không bị "khóa cứng" như layer background, nó cho phép bạn di chuyển layer đó đến bất cứ nơi nào trong Layer Palette, bạn cũng có thể thay đổi chế độ hoà trộn và mức Opacity của nó.

Để nâng layer background thành một layer thông thường:

1. Nhấp đúp vào layer Background trong Layer Palette, hoặc chọn Layer > New > Layer Background
2. Lựa chọn tùy biến layer như bạn muốn.
3. Click OK.

Để chuyển layer thành layer nền:

1. Chọn layer trong Layer Palette
2. Chọn Layer > New > Background From Layer

Chú ý: Bạn không thể tạo một layer Background chỉ bằng cách đặt lại tên cho nó mà bạn phải dùng lệnh Background From Layer.

Đặt lại tên cho một layer và kéo nó sang một tài liệu khác

Tạo một layer mới cũng có thể đơn giản như kéo một tấm hình từ một tài liệu này sang một tài liệu khác. Trước khi bạn bắt đầu bạn hãy mở 2 file hình bất kỳ ra trước. Việc trước tiên bạn nên làm là đổi tên của nó thành một tên dễ nhớ hơn.

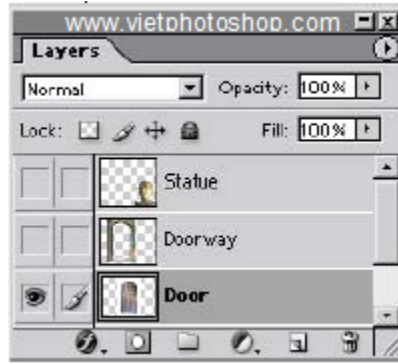
1. Trong Layer Palette, nhấp đúp vào Layer 1 và gõ Door.
2. Nếu cần, kéo 2 layer Door.psd và Start.psd sang gần nhau để bạn có thể nhìn thấy một phần của tấm hình. Sau đó chọn hình Door.psd để layer đó sẽ là layer làm việc.
3. Trông hộp công cụ chọn Move Tool (↔) và đặt nó ở trong tài liệu Door.psd.
4. Kéo file Door.psd sang file 05Start.psd. Khi bạn kéo nó sang Start.psd con trỏ sẽ thay đổi thành một mũi tên trắng với một dấu cộng trong hình vuông nhỏ.



Nếu bạn giữ phím Shift khi kéo một hình ảnh từ tài liệu này sang tài liệu khác, layer được kéo sẽ tự động căn chỉnh nó vào trung tâm của hình mà nó được kéo đến.



5. Khi bạn thả chuột, hình cánh cửa sẽ xuất hiện trên hình cánh đồng của file 05Start.psd và trên Layer Palette cũng sẽ xuất hiện thông tin về layer mới này.
6. Đóng file Door.psd lại, và không cần phải lưu lại thông tin.



Trong layer Palette bạn chú ý layer cánh cửa xuất hiện trên một layer riêng biệt và có cùng tên với tên ở file gốc - Door

Chú ý: Nếu bạn muốn mở rộng Layer Palette, nhấp vào nút Minimize/ Maximize hoặc định lại kích thước của Layer Palette bằng cách kéo từ trên đỉnh của nó hoặc kéo xuống từ góc dưới bên phải.

Kéo một tấm hình từ cửa sổ này sang cửa sổ khác chỉ di chuyển một layer đang được chọn. Bạn cũng có thể kéo một layer từ Layer Palette của một tài liệu sang hình ảnh của một tài liệu khác.

Xem từng layer riêng lẻ:

Trên layer Palette hiện thời thể hiện tài liệu đang chứa tổng cộng 3 layer kể cả layer Door, một vài trong số đó có thể thấy được và một vài thì bị ẩn. Biểu tượng con mắt (👁) ở phía bên trái của layer palette chỉ ra rằng layer đó đang được chọn. Bạn có thể ẩn hoặc hiện một layer bằng cách nhấp vào biểu tượng này.

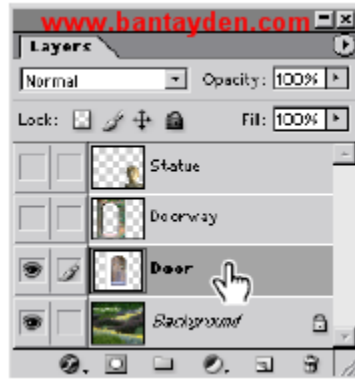
1. Nhấp vào layer con mắt trên layer Door để ẩn hình cánh cửa đi.
2. Nhấp lại lần nữa để hiện nó.

Cứ để nguyên "hiện trường" của các layer khác dù cho nó ẩn hoặc hiện.

Chọn và di chuyển một vài đơn vị Pixel từ một layer:

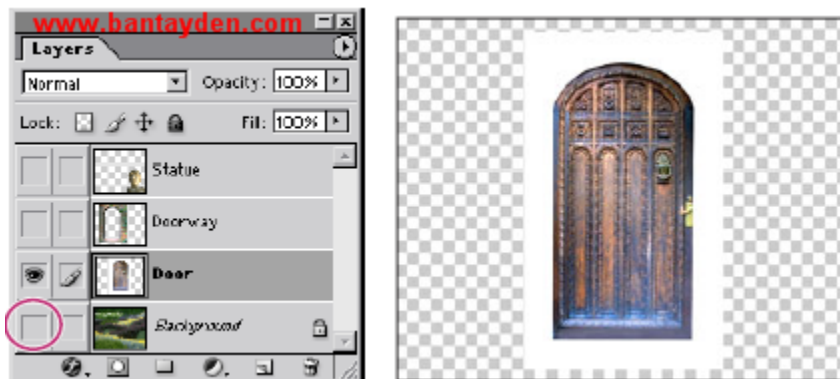
Chú ý rằng khi bạn di chuyển hình cánh cửa sang hình ngôi vườn, bạn cũng có thể di chuyển vùng trắng bao quanh cánh cửa. Vùng màu trắng này che phủ một phần của hình ngôi vườn, bởi vì layer cánh cửa nằm trên hình ngôi vườn. Bây giờ bạn sẽ sử dụng Eraser để tẩy những vùng trắng xung quanh cánh cửa.

1. Nhấp chuột chọn layer Door. Để chọn layer, nhấp vào tên của layer đó trên Layer Palette.



Layer đó sẽ được tô màu xanh (trên layer Palette), và một hình chiếc cọ (🖌️) xuất hiện về phía bên trái của biểu tượng con mắt chỉ ra rằng đây là layer đang được chọn.

2. Để vùng màu trắng hiển thị rõ ràng hơn, bạn ẩn layer vườn đi bằng cách nhấp chuột vào biểu tượng con mắt (👁️) ở bên trái của Background layer.



Hình ngôi vườn sẽ biến mất, và hình cánh cửa hiện lên trên một hình kẻ caro. Vùng kẻ caro này thể hiện vùng trong suốt của layer hiện hành.

3. Chọn công cụ Magic Eraser (🖌️) ẩn đằng sau công cụ Eraser (🖌️).

Bạn có thể thiết lập mức Tolerance của công cụ Magic Eraser. Nếu mức Tolerance quá thấp, công cụ Magic Eraser sẽ để lại một ít vệt trắng xung quanh cánh cửa. Nếu mức Tolerance quá cao, công cụ này sẽ xoá đi một vài chi tiết của cánh cửa.

4. Trên thanh tùy biến công cụ, điền các giá trị khác nhau cho Tolerance ở đây chúng ta dùng 22 và sau đó nhấp vào vùng trắng xung quanh cánh cửa.



Bạn để ý rằng vùng kẻ caro đã thay cho vùng màu trắng, chỉ ra rằng vùng này đã trở thành "tùng phạm", cả lũ trở thành trong suốt.

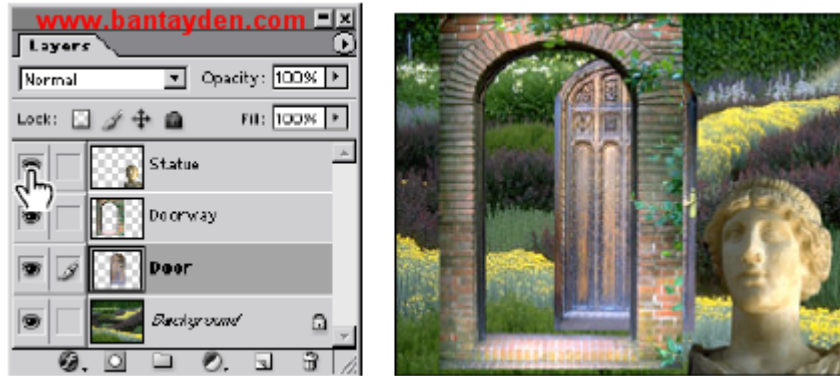
5. Hiện layer Background bằng cách nhấn vào biểu tượng con mắt. Hình ngôi vườn sẽ hiện ra đằng sau hình cánh cửa.



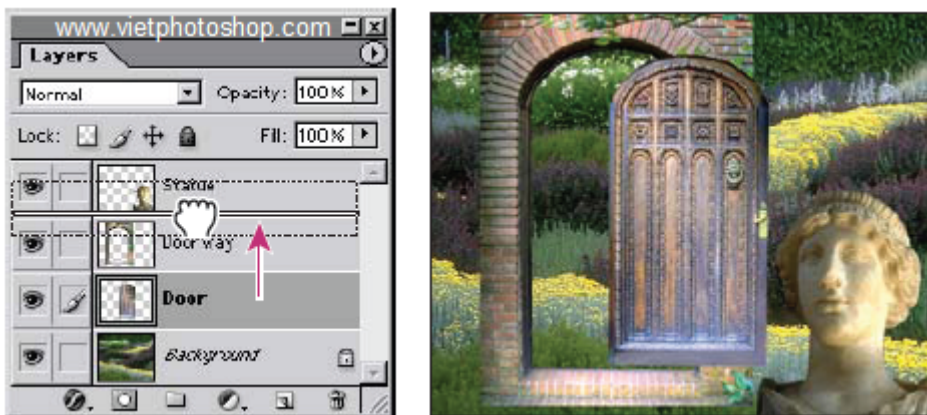
Sắp xếp lại các layer.

Thứ tự của các layer nằm trong một hình được sắp xếp gọi là thứ tự sắp xếp theo tầng. Thứ tự sắp xếp của các layer xác định hình ảnh đó sẽ được quan sát như thế nào? bạn có thể thay đổi thứ tự của layer để làm cho một phần của tấm hình trong layer này hiện ra hoặc ẩn đi ở đằng trước hoặc sau một hình khác. Bây giờ bạn sẽ sắp xếp lại các layers sao cho layer cánh cửa nằm trên cùng của các hình khác.

1. Nhấp vào con mắt cạnh hai layer cánh cuar và layer tượng để hiển thị nó. Bạn sẽ thấy một phần của layer cánh cửa bị che khuất bởi layer cổng gạch.



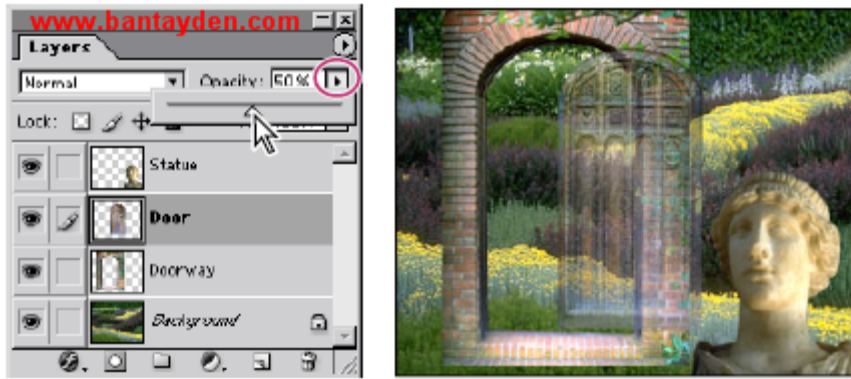
2. Trên layer Palette, kéo layer Door lên trên layer Doorway. Layer Door di chuyển lên trên một mức theo thứ tự sắp xếp, và hình cánh cửa xuất hiện trên hình cổng gạch.



Thay đổi chế độ hoà trộn và mức Opacity của một layer

Hình cánh cửa bây giờ che phủ tất cả những hình nào nằm dưới nó. Bạn có thể giảm mức Opacity của layer cánh cửa để nhìn thấy những layer nằm dưới nó. Bạn cũng có thể áp dụng những chế độ hoà trộn khác nhau cho layer, nó tác động đến hình cánh cửa sẽ hoà trộn với những layer nằm dưới nó như thế nào. Hiện tại chế độ hoà trộn là Normal.

1. Chọn layer Door, nhấp chuột vào mũi tên cạnh hộp Opacity trên layer Palette và kéo thanh trượt xuống còn 50%. Hình cánh cửa sẽ mờ đi một nửa, và bạn có thể nhìn được layer nằm dưới đó. Những thay đổi này chỉ tác động đến duy nhất layer cánh cửa. Hình bức tượng và ngôi vườn vẫn "bình chân như vại".



2. Ở bên trái của hộp thoại Opacity là các chế độ hoà trộn, nhấn vào mũi tên và từ menu thả xuống bạn chọn Luminosity

3. Điều chỉnh lại mức Opacity của layer đó thành 90%



4. Chọn File > Save để lưu lại những gì bạn đã làm nếu cần. He! tôi nghĩ chắc chẳng cần!

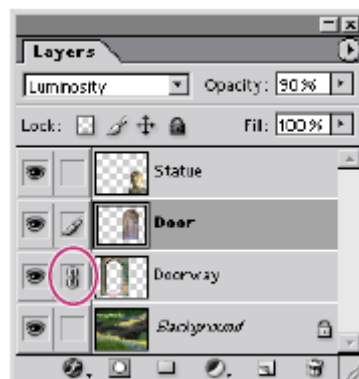
Liên kết các layer với nhau

Một cách hiệu quả để làm việc với vài layer là liên kết hai hoặc nhiều layer với nhau. Bằng cách này bạn có thể di chuyển hoặc Transform chúng cùng một lúc nhưng vẫn giữ được vị trí của từng layer. Trong phần này bạn sẽ liên kết hai hình cánh cửa và cổng gạch với nhau, sau đó thì di chuyển và định dạng nó.

1. Chọn Move Tool và kéo cánh cửa sang bên trái vào vị trí như hình dưới.



2. Trên layer Palette chọn layer Door nhấp chuột vào ô vuông bên cạnh layer Doorway như hình được khoanh tròn ở dưới. Một biểu tượng mắt xích xuất hiện chỉ ra rằng layer được liên kết với layer Doorway. (Layer hiện hành hoặc layer được chọn sẽ không xuất hiện biểu tượng mắt xích khi bạn tạo liên kết layer)



3. Vẫn sử dụng công cụ Move Tool, kéo layer Doorway sang bên trái của cửa sổ hình sao cho mép trái chạm vào cạnh của tài liệu như hình dưới. Bạn sẽ nhận thấy cánh cửa và cổng gạch di chuyển cùng với nhau.



4. Chọn layer Doorway trên Layer Palette, sau đó vào Edit > Free Transform. Một vùng bao quanh sẽ xuất hiện xung quanh hình ảnh của layer được link. Giữ phím Shift và kéo một góc của vùng bao quanh sang bên phải để định dạng lại cánh cửa và cổng gạch to hơn một chút.



6. Nếu cần, đặt con trỏ vào giữa vùng bao quanh và kéo để định vị lại hai tấm hình.

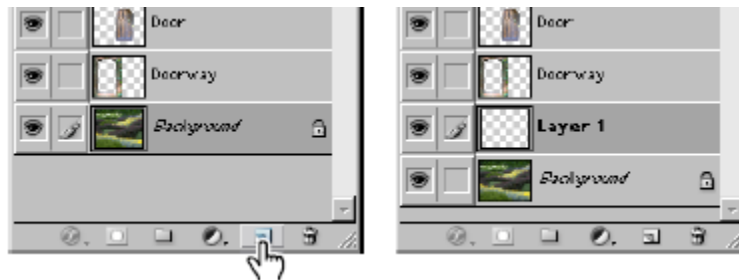
7. Nhấn Enter để thiết lập vùng Transform

Thêm hiệu ứng Gradient cho một layer

Tiếp theo bạn sẽ tạo một layer mới trên cùng các layer khác, việc thêm một layer mới tương tự như việc bạn thêm một trang giấy khác lên trên hình mình đang vẽ vậy. Sau đó bạn sẽ thêm một vùng bán trong suốt bằng công cụ Gradient, layer này sẽ tác động đến tất cả những layer trong layer Palette nằm dưới nó. Trong ImageReady không có công cụ Gradient, bạn có thể áp dụng Gradient/ Pattern từ layer Palette.


1. Trong layer Palette, chọn layer Background.


2. Chọn nút New Layer (📄) ở dưới cùng của Layer Palette. Một layer mới được tạo và theo mặc định được đặt tên là Layer 1, xuất hiện ở giữa layer Background và layer Doorway.





Chú ý: Bạn có thể tạo một layer mới bằng cách chọn New Layer trong Layer Palette Menu.

3. Nhấp đúp vào layer Layer 1 và gõ chữ Gradient để đặt tên cho nó. Bây giờ bạn có thể áp dụng Gradient cho layer này. Gradient là một vùng giao thoa giữa 2 hoặc nhiều màu. Bạn điều chỉnh độ giao thoa bằng cách sử dụng công cụ Gradient.

4. Trong hộp công cụ chọn Gradient ().

5. Trên thanh tùy biến công cụ, chọn loại Linear Gradient () và nhấp chuột vào ô vuông màu để mở rộng vùng chọn màu. Chọn loại Foreground to Transparent và nhấp chuột vào một vùng bất kỳ để đóng hộp thoại chọn màu lại.



 Bạn có thể liệt kê Gradient theo tên hơn là theo biểu tượng hình nhỏ. Nhấp chuột vào mũi tên nhỏ  trong hộp chọn Gradient và chọn Small List hoặc Large List. Hoặc bạn có thể di chuột qua biểu tượng hình thu nhỏ của gradient cho đến khi nó hiện ra tên của Gradient đó.

6. Chọn Swatch Palette để hiển thị nó lên trên những Palette khác, và chọn một màu bất kỳ bạn muốn.



7. Với layer Gradient đang được chọn trên layer Palette, kéo gradient từ bên mép trái sang mép phải của hình. (Bạn nên giữ phím Shift trong khi kéo để gradient được thành một đường thẳng).



Gradient sẽ che phủ toàn bộ layer, bắt đầu từ màu bạn chọn và nhạt dần cho đến khi trong suốt, và tác động đến layer ngôi vườn nằm dưới nó. Bởi vì layer gradient đã che khuất một phần của ngôi vườn, bây giờ bạn có thể làm cho nó sáng lên bằng cách thay đổi độ Opacity của nó.

8. Trên layer Palette hạ mức Opacity của layer Gradient xuống còn 60%. Ngôi vườn sẽ được nhìn thấy qua layer Gradient.

Chú ý: Trong ImageReady, thuộc tính Gradient xuất hiện như là một dạng hiệu ứng, được đặt nằm dưới layer mà bạn áp dụng Gradient, nhìn giống như một Layer Style. Tuy nhiên, hiệu ứng Gradient vẫn có thể được nhìn thấy trong ImageReady.

Thêm chữ

Bây giờ bạn sẽ gõ thêm chữ vào tấm hình. Bạn có thể viết chữ với công cụ Type. Công cụ này sẽ tự động tạo một layer mới và hiển thị chữ trên đó. Bạn sẽ chỉnh sửa chữ và thêm những hiệu ứng vào cho nó. (Trong ImageReady cũng có tính năng viết chữ nhưng nó sử dụng Palette để hiển thị tùy biến công cụ type chứ không phải là hộp thoại như trong Photoshop)

1. Trong layer Palette nhấp chuột chọn layer bức tượng để chọn nó
2. Trong hộp công cụ, nhấn vào nút màu mặc định nền trước nền sau (■) ở gần phía dưới cùng của hộp công cụ để đổi lại màu nền trước thành đen. Đây sẽ là màu của layer chữ.

Chú ý: Nếu bạn quyết định đổi màu của chữ sau khi gõ, bạn có thể thay đổi nó bằng cách bôi đen chữ đó bằng công cụ Type và sử dụng Color Swatch trên thanh tùy biến công cụ.

3. Trong hộp công cụ chọn công cụ Type (T). Sau đó ở trên thanh tùy biến công cụ thiết lập những thông số sau cho công cụ Type, xem hình:

- Chọn Font là Adobe Garamond
- Chọn kiểu chữ là Regular
- Điền vào độ lớn của font là 60 point
- Chọn Crisp từ menu Anti-Aliasing.
- Chọn chế độ căn chỉnh là Center Text



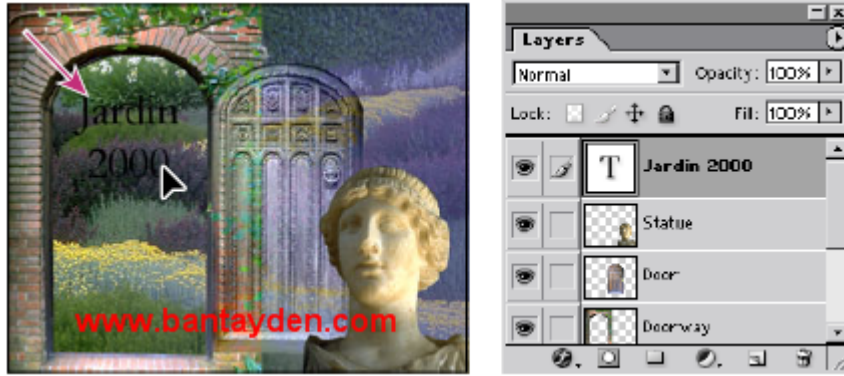
4. Nhấp vào bất cứ chỗ nào trên tài liệu đang được mở. Bạn sẽ thấy trên Layer Palette xuất hiện một layer mới và có biểu tượng chữ T cạnh tên của layer đó, chỉ ra rằng đây là layer chữ.

5. Gõ chữ Jardin và nhấn Enter để xuống hàng sau đó gõ thêm chữ nữa ví dụ 2000 chẳng hạn.



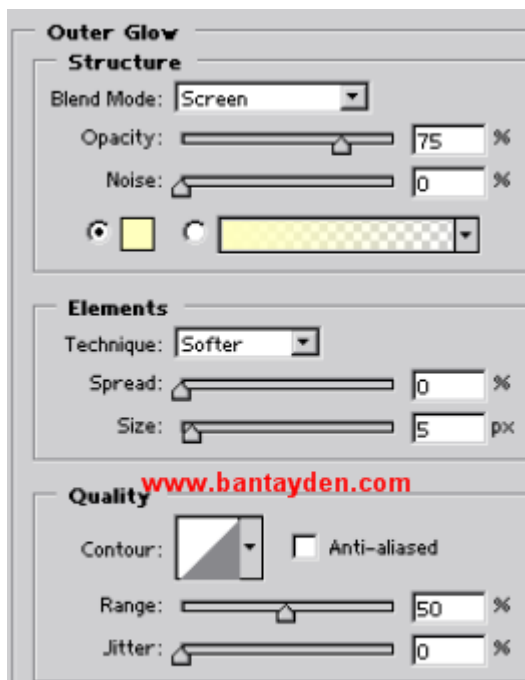
Chữ sẽ xuất hiện ở phía trên bên trái của hình nơi mà bạn nhấp chuột. Nó sẽ xuất hiện trong Layer Palette là Layer 1, nhưng tên của nó sẽ được tự động đổi thành "Jardin 2000" ngay sau khi bạn chọn một layer khác hoặc một công cụ khác. Bây giờ bạn cần định vị lại chữ cho cân đối với tấm hình.

6. Chọn Move Tool (↔) và kéo chữ bạn vừa gõ vào giữa hình đến bất cứ nơi nào bạn cho là đẹp. Tuy nhiên chữ của bạn hiện giờ rất khó đọc vì nó cùng màu tối với hình nền, nhưng chúng ta sẽ khử nó ngay bây giờ. Bạn cũng có thể nhận ra rằng tên của layer đó đổi thành chữ mà bạn vừa gõ.

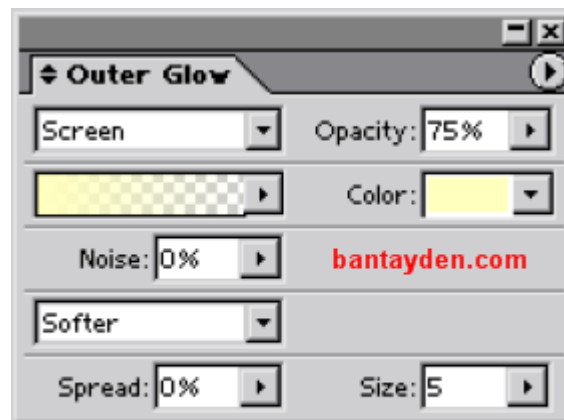


Thêm Layer Style

Bạn có thể áp dụng nhiều hiệu ứng cho một layer như: Shadow, glow, bevel, emboss hoặc những kỹ xảo khác từ những layer style đã làm trước trong Photoshop. Những style này rất dễ sử dụng và được liên kết trực tiếp với layer do bạn chỉ định. Các layer style được thao tác khác nhau trong Photoshop và ImageReady. Trong Photoshop bạn sử dụng hộp thoại Layer Style để thêm hiệu ứng. Trong ImageReady, bạn sử dụng Layer Option/ Style cùng với tên của hiệu ứng bạn muốn thêm vào.



Hộp thoại Layer Style của PTS



Hộp thoại Layer Style của IR

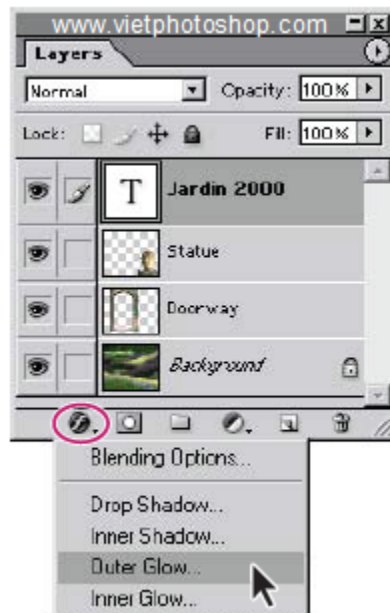
Những hiệu ứng Layer Style có thể được tạm thời ẩn đi bằng cách nhấp vào biểu tượng con mắt (👁) trong Layer Palette hoặc bạn cũng có thể copy Layer Style từ layer này sang layer khác bằng cách kéo

nó đến layer bạn muốn áp dụng hiệu ứng tương tự. Bây giờ bạn sẽ thêm hiệu ứng Outer Glow cho chữ của mình và tô layer chữ với một Pattern. Trước tiên bắt đầu với Glow.

1. Với layer chữ đang được chọn, vào Layer > Layer Style > Outer Glow.



Bạn cũng có thể mở hộp thoại layer style bằng cách nhấn vào nút Add A Layer Style (🔗) ở dưới cuối cùng của Layer Palette và chọn một layer style bất kỳ trên menu hiện ra.



2. Trong hộp thoại Layer Style, đánh dấu vào hộp kiểm Preview và di chuyển hộp thoại sang một bên để bạn có thể nhìn thấy hiệu ứng tác động lên chữ của bạn như thế nào.

3. Ở vùng Element của hộp thoại Outer Glow, điền giá trị là 10 cho Spread và 10 cho Size.

4. Ở cột bên trái của hộp thoại bạn đánh dấu vào hộp kiểm Stroke, bạn sẽ thấy rằng ở cột bên phải nó vẫn thể hiện những tùy biến của Outer Glow. Nhấp chuột vào chữ Stroke để hiển thị tùy biến của Stroke. Ở vùng bên phải bạn điền những giá trị sau:

- Ở vùng Structure của hộp thoại điền giá trị là 1 cho Size, Outside.
- Ở vùng Fill Type bạn nhấp vào ô màu để mở hộp thoại chọn màu. Sau đó chọn màu vàng của tôi là (R=255, G=255, and B=0). Đóng hộp thoại chọn màu nhưng vẫn để hộp thoại Outer Glow.

5. Ở cột bên trái nhấp chuột vào chữ Pattern Overlay.

- Nhấp chuột vào mũi tên màu đen để hiển thị danh sách các pattern và chọn Wood. Nhấp chuột vào một vùng bất kỳ để đóng hộp menu pattern. Bạn có thể rê chuột lên các thumbnail để hiển thị tên của pattern đó.
- Trong ô Scale điền giá trị là 200.

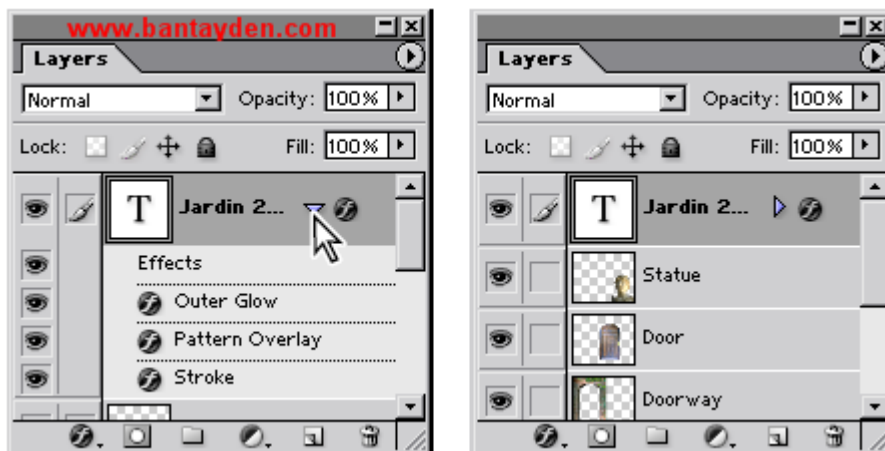


5. Nhấp Ok để thiết lập lựa chọn và đóng hộp thoại Layer Style.

6. Nếu cần, bạn có thể kéo hoặc mở to Layer Palette ra để có thể nhìn thấy những thay đổi bạn vừa tạo.

Bây giờ dưới layer chữ của bạn sẽ có thêm 3 dòng mang những thông tin khác nhau. Dòng thứ nhất chỉ ra là layer này mang hiệu ứng. Ba dòng còn lại được đặt tên theo những style bạn áp dụng lần lượt là: Outer Glow, Pattern Overlay và Stroke. Có thêm một biểu tượng nữa cho layer style (🌀) xuất hiện bên cạnh 3 tên của những style kia. Một biểu tượng tương tự và một dấu mũi tên cũng xuất hiện ở bên phải của layer chữ.

Để thu gọn danh sách những layer style này nhấn vào nút mũi tên để đóng danh sách các style.



Chỉnh sửa chữ đã tạo

Những layer style bạn đã áp dụng sẽ tự động thay đổi nếu bạn thay đổi những chi tiết của layer đó. Bạn có thể chỉnh sửa chữ mà bạn đã gõ và quan sát những tác động của style đến những thay đổi của bạn.

1. Trong layer Palette chọn layer chữ.
2. Trong hộp công cụ chọn công cụ Type (T)
3. Trên thanh tùy biến công cụ, thay đổi kích thước Font từ 60 thành 72 Point. Mặc dù bạn không cần bôi đen layer chữ như thường làm trong trình MS Word, nhưng tất cả chữ trên layer đó đã trở thành 72 point.
4. Sử dụng công cụ Type và chọn một chữ cuối cùng trên layer chữ của bạn.
5. Thay đổi chữ đó thành chữ gì bạn muốn ví dụ từ BTĐ thành BT Xanh. Ke ke! Khi bạn thay đổi thì những định dạng và style vẫn giữ nguyên mà không thay đổi.



6. Trên thanh tùy biến công cụ, nhấp chuột vào nút Commit Any Current Edit (✓) để thiết lập những thay đổi và chuyển sang chế độ chỉnh sửa bình thường.
 7. Chọn Một công cụ bất kỳ trên hộp công cụ.
- Chú ý: Bạn không thể dùng phím Enter để xác nhận chữ bạn vừa gõ, bởi vì nó chỉ đơn giản xuống hàng chữ không xác nhận thay đổi đó.
8. Chọn File > Save.



Một tính năng mới rất hấp dẫn mới được bổ sung vào Photoshop CS là khả năng gõ chữ theo đường Path. Ví dụ bạn tạo một hình tròn và viết chữ chạy xung quanh vòng tròn đó.

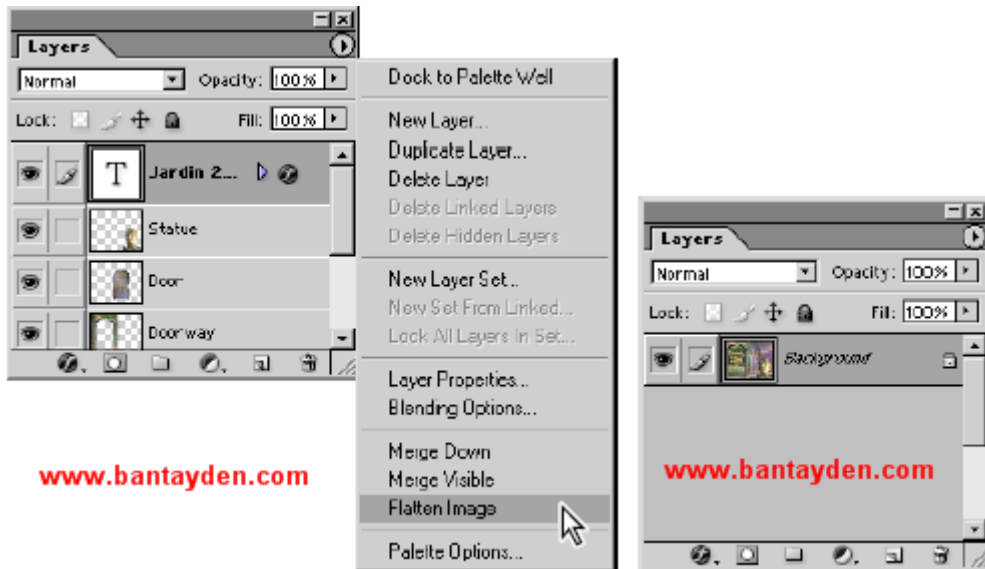
Flatten và lưu lại tài liệu

Khi bạn đã chỉnh sửa hết các layer trong file hình của mình, bạn có thể tạo một bản sao của tài liệu với một layer được flatten. Flatten một file có nghĩa là nó sẽ gộp hết những layer của tài liệu đó thành một hình nền, và giảm dung lượng của file một cách đáng kể. Tuy nhiên bạn không nên flatten hình ảnh cho đến khi bạn đã hài lòng với những thay đổi của mình. Trong hầu hết các trường hợp, bạn nên giữ một bản sao của file hình với một layer khác phòng trường hợp bạn lại muốn thay đổi gì. Để thấy được những thay đổi của Flatten, bạn hãy để ý đến dung lượng của file trên thanh thông tin tại phía dưới của cửa sổ hoặc cửa sổ của tài liệu đang làm việc.



Số thứ nhất thể hiện dung lượng của file sẽ là bao nhiêu nếu bạn Flat nó. Số thứ hai là dung lượng hiện tại của file tại thời điểm chưa Flatten. Trong ví dụ của chúng ta, file nếu được flatten sẽ có dung lượng khoảng 900K nhưng dung lượng hiện tại của nó là gần 4 MB xấp xỉ hơn 4 lần nếu không flatten. Cho nên trong trường hợp này flatten thì tốt hơn nhiều.

1. Nếu công cụ Type vẫn được chọn thì bạn chọn đại một công cụ nào khác. Sau đó thì chọn File > Save để lưu lại những thay đổi mà bạn đã làm.
2. Chọn Image > Duplicate
3. Trong hộp thoại Duplicate bạn đặt tên cho file đó và chọn nó đến một thư mục tùy ý và nhấn Save.
4. Trên layer palette nhấp vào mũi tên nhỏ màu đen ở góc trên bên phải và chọn Flatten Image như hình bên trái:



6. Chọn File > Save. Mặc dù bạn chọn Save chứ không phải chọn Save As nhưng hộp thoại Save As vẫn xuất hiện! thế mới láo!

7. Chọn Save để thiết lập những giá trị mặc định và lưu file đã được flatten lại. Bây giờ bạn đã có một phiên bản được flatten và một phiên bản vẫn còn đầy đủ các layer. Bạn có thể tiếp tục làm việc với tài liệu đã được flatten và thậm chí bạn có thể thêm các layer mới lên trên layer background. Bạn sẽ quay lại với phiên bản gốc ở phần sau của bài học này.



Nếu bạn chỉ muốn flatten một vài layer trong một tài liệu, bạn có thể nhấp vào nút con mắt để ẩn những layer mà bạn không muốn flatten đi và sau đó chọn Merge Visible trên menu của Layer Palette.

Tạo một tập hợp layer và thêm layer

Bạn có thể gộp các layer lại ở ngay trên Layer Palette. Nguyên lý của nó gần giống như việc bạn tạo một thư mục và trong thư mục đó có các thư mục con hoặc mấy thứ linh tinh xi ki. Bằng cách này bạn có thể làm việc dễ dàng hơn và giảm thiểu được những rắc rối khi bạn phải làm việc với một file phức tạp.

1. Trong menu của Layer Palette, chọn New Layer set. Nút ở dưới cùng của Layer Palette.
2. Trong hộp thoại New layer set bạn đặt tên cho nó là gì thì tùy bạn hoặc chơi chữ BTĐ cho nó hoành tráng và nhấp OK. Sau khi bạn nhấp Ok trên layer Palette sẽ xuất hiện một Layer Set

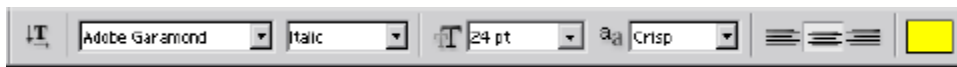
Thêm một layer chữ lên trên layer đã bị flatten

Bạn sẽ làm việc với hai layer chữ giống nhau về thông tin nhưng lại khác nhau về ngôn ngữ.

1. Trông hộp công cụ chọn công cụ Type (T)

2. Trên thanh tùy biến công cụ, thiết lập những thông tin sau:

- Chọn font cho chữ tùy ý bạn
- Font Style
- Font Size là khoảng 24 Photoshop
- Nhấp chuột vào ô chọn màu để mở hộp thoại chọn màu và chọn màu vàng giống như màu bạn làm với Outer Glow (R=255, B=255, G=0) Sau đó nhấp Ok để đóng hộp thoại chọn màu.
- Chọn Anti - Aliasing là Crisp và căn chỉnh vào giữa.




Chọn layer set bạn đã tạo ở trên và nhấp chuột chọn công cụ Type, nhấp chuột vào phần bên trên của hình và gõ chữ Mai 18 (ngày của tiếng Pháp), nhấn Enter để xuống dòng và gõ chữ Montreal.

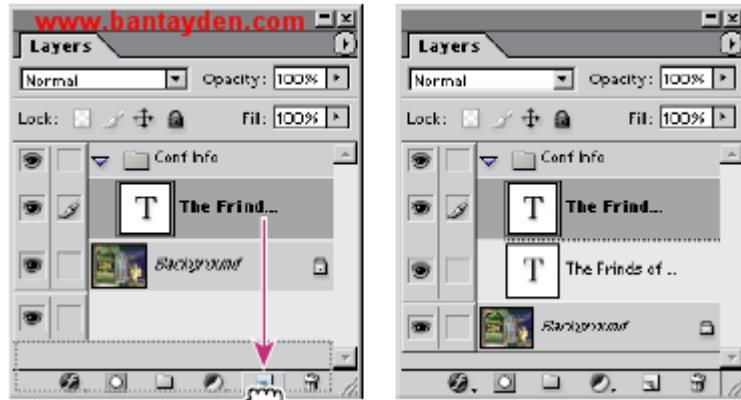
3. Trên thanh tùy biến công cụ chọn nút Commit Any Current Edits ✓



Trong Layer Palette, một layer chữ mới xuất hiện, được đặt dưới tập hợp layer Conf Info và tên của layer mới này là Mai 18

4. Chọn công cụ Move  và kéo dòng chữ lên phía trên bên phải của cánh cổng và nằm trên nền màu tím để có độ tương phản và vì vậy dễ đọc hơn.

5. Chọn layer Mai 18 trong Layer Palette, kéo và thả nó vào nút New Layer Button ở dưới cùng của Layer Palette. Khi bạn thả chuột, một layer chữ sẽ được nhân đôi và được đặt ở dưới layer set Conf Info.



Nếu sau này bạn quyết định thay đổi vị trí của hai layer chữ, bạn có thể chọn layer set BTĐ trong layer Palette và sử dụng Move Tool để kéo cả 2 layer đó tương tự như chúng được liên kết với nhau vậy.

Bây giờ bạn đã có hai layer giống nhau về định dạng và vị trí và sẵn sàng cho bạn chỉnh sửa bản copy của nó để tạo ra một layer text mới.

Viết chữ và tự thiết lập từ điển của bạn

Photoshop có một công cụ kiểm tra lỗi chính tả bằng nhiều loại ngôn ngữ khác nhau. Bạn có thể thiết kế cả một layer chữ hoặc một vài từ đơn lẻ để được kiểm tra trong những từ điển khác nhau. Khi bạn kích hoạt chức năng kiểm tra lỗi chính tả, Photoshop sẽ tự động so sánh mỗi từ với những từ nó có trong từ điển.

1. Trong Layer Palette chọn layer Mai 18 copy (layer nằm trên) nếu nó không được chọn.
2. Chọn Window > Character để mở Charater Palette.
3. Trong menu hiện ra của từ điển ở góc dưới bên trái của hộp thoại Character Palette chọn Canadian French.
4. Trên layer Palette chọn layer Ik hou van jou. Sau đó ở menu từ điển hiện ra ở góc dưới bên trái của Character Palette chọn French. Mèn! không có tiếng Hà Lan nhẩy?



5. Từng layer một, chọn layer Mai 18 trong Layer Palette và kiểm tra trong Character Palette có phải là chữ English không và Canadian Frenche cho layer ở trên nó.

6. Chọn File > Save.

Sử dụng chức năng kiểm tra chính tả đa ngôn ngữ

Vừa rồi bạn đã thiết kế từ điển mà Photoshop sẽ sử dụng để kiểm tra những chữ khác nhau trong tài liệu của bạn, bây giờ bạn đã có thể kiểm tra lỗi chính tả goài!

1. Trong layer Palette, nhấp chuột chọn con mắt để hiển thị layer chữ ban đầu. Layer gốc ý! Lúc đó 2 layer chữ sẽ xuất hiện trên tài liệu. Bởi vì chúng nằm chính xác chồng lên nhau, bạn chắc cũng khó mà đọc được chữ gì nhưng cứ bình tĩnh!

2. Chọn Edit > Check Spelling. Hộp thoại Check Spelling sẽ xuất hiện, chỉ ra chữ Montreal bị sai chính tả vì nó thiếu một dấu sắc, tạm gọi là thế! :p

3. Nhấp chuột chọn nút Change để chấp nhận từ gợi ý trong từ điển. Montréal. Khi bạn nhấp Ok thì chữ trên hình sẽ thay đổi, và trong hộp thoại cũng sẽ thay đổi. Tiếp theo nó sẽ chỉ ra là chữ Mai bị sai vì không có trong từ điển tiếng Anh

4. Trong danh sách những từ hiện ra bạn chọn từ May. Bây giờ, May đã xuất hiện trong Change to Option, nhấn vào Change.

5. Nếu một hộp thoại xuất hiện và báo là kiểm tra lỗi chính tả đã hoàn thành thì nhấp OK.

6. Lần lượt cho ẩn và hiện con mắt của hai layer chữ Conf Info để thấy cả hai phiên bản của chữ.

7 Chọn File > Save để lưu lại. Bây giờ trong tài liệu của bạn có 3 layer một layer được flatten từ trước cộng với hai layer chữ. Cứ để mở file 05Flat.psd cho phần tiếp theo.



Chú ý những thay đổi đến dung lượng của file trên thanh Trạng thái. Mặc dù dung lượng của file tăng lên một chút, nhưng nó vẫn không lớn bằng toàn bộ file hình khi chưa được flat. Cứ để mở file 05Flat.psd cho phần tiếp theo.

Sử dụng phức hợp layer (Layer Comp)

Layer phức hợp là một tính năng mới của Photoshop CS cho phép chỉ cần một lần nhấp chuột có thể thay đổi và trở lại nguyên trạng toàn bộ một tấm hình nhiều layer. Layer Comp chỉ đơn giản là những định dạng bạn tạo ra trên Layer Palette. Một khi bạn đã định dạng được một layer Comp, bạn có thể thay đổi bao nhiêu tùy thích trên Layer Palette và sau đó tạo một Layer Comp khác để bảo tồn những thiết lập bạn vừa tạo ra cho layer trước. Sau khi bạn đã tạo ra hai hoặc nhiều Layer Comp, bạn có thể ẩn hoặc hiện từng cái một để có thể xem hai phiên bản khác nhau của tác phẩm bạn đang làm. Công dụng của nó là dùng để trong trường hợp bạn muốn cho khách hàng xem hai phiên bản về màu sắc của cùng một tác phẩm để họ có thể chọn lựa. Bạn không cần phải cứ ẩn hết con mắt này đến con mắt kia trên Layer Palette, mà bạn chỉ phải làm một lần trên Layer Comp.

Trong phần này của bài học, bạn sẽ tiếp tục làm việc với file ngôi vườn như trên, nhưng bạn sẽ sử dụng phiên bản mà bạn lưu lại trước đây chứ không phải phiên bản được Flatten. Bạn sẽ tạo ra những Comp khác nhau cho mỗi loại ngôn ngữ sử dụng. Bạn sẽ thử áp dụng ẩn hiện layer và những Layer Style, sau đó ghi hoạt động đó vào Layer Comp cho những thay đổi này. Khi bạn đã chuẩn bị Layer Comps xong bạn có thể xem hai hoặc nhiều phiên bản khác nhau của cùng một tác phẩm mà không phải thay đổi đi thay đổi lại layer style hoặc ẩn và hiện con mắt. Layer Comp được lưu lại là một phần của tài liệu, cho nên nó không mất đi khi bạn đóng tài liệu lại.

Chuẩn bị một tài liệu có nhiều layer

Trong phần này bạn sẽ không làm việc với phiên bản được flatten mà chúng ta sẽ làm việc với tài liệu chưa được flatten của file 05Start.psd mà bạn đã lưu lại ở những bước trước. Bởi vì khi làm việc với

tài liệu nhiều layer, bạn có thể chỉnh sửa từng layer một trong tài liệu đó. Tuy nhiên bạn sẽ copy thêm 2 layer text bạn vừa tạo ở bước trên sang tài liệu 05Start.psd từ tài liệu 05Flat.psd.


1. Chọn File > Open Recent > 05Start.psd.
2. Chọn File > Open Recent > 05Flat.psd nếu file này chưa được mở.
3. Sắp xếp hai tài liệu sao cho bạn có thể nhìn thấy cả hai cùng một lúc và chọn tài liệu có chứa 2 layer chữ để hiển thị nó lên phía trước hoặc chọn Window > 05Flat.psd.



4. Trong Layer Palette, chọn tập hợp layer Conf Info. Giữ phím Shift và kéo nó từ layer Palette sang cửa sổ tài liệu 05Start.psd.



5. Đóng tài liệu 05Flate.psd lại nhưng giữ lại tài liệu 05Start.psd.

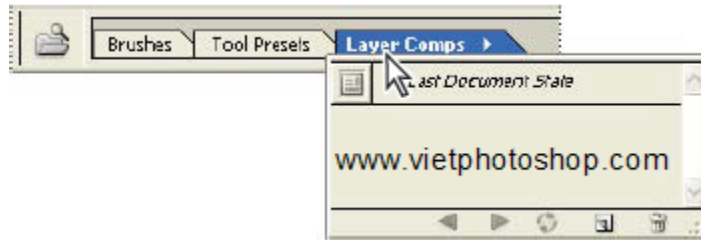
6. Chọn công cụ Move  và kéo layer chữ để định vị lại nó nếu bạn thích.

Bởi vì tập hợp layer Conf Info được chọn trên Layer Palette cho nên khi bạn di chuyển cả hai layer chữ sẽ được di chuyển cùng một lúc. Giữ phím Shift khi kéo thì Photoshop sẽ tự động đặt 2 layer này vào vị trí giống như nó vị trí của nó ở tài liệu gốc.

Tạo một Layer Copms bằng cách ẩn hiện layer trên Layer Palette

Layer Comp đầu tiên bạn sẽ tạo sẽ hiển thị hình của một trong hai layer text tiếng Anh hoặc Pháp. Bằng cách này sẽ giúp bạn tiết kiệm được công sức không phải chuyển qua chuyển lại nhiều lần trong Layer Palette. Nếu không sử dụng Layer Comp nếu muốn hiển thị một trong hai ngôn ngữ, bạn phải ẩn con mắt đi và lại hiện con mắt lại. Nhưng nếu sử dụng, bạn chỉ việc làm một lần và những lần sau đó chỉ việc nhấp vào một trạng thái của Layer Comps mà thôi.

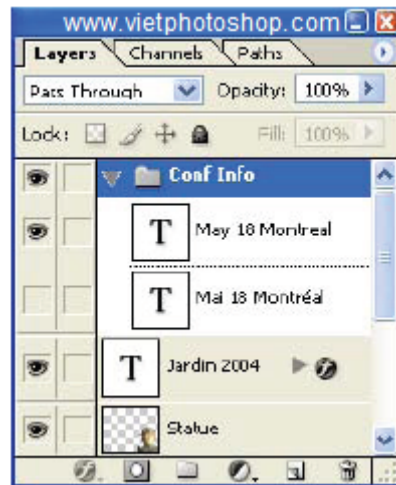
1. Mở Layer Comps Palette bằng cách nhấn vào thẻ của nó trong Palette Well hoặc vào Window > Layer Comps



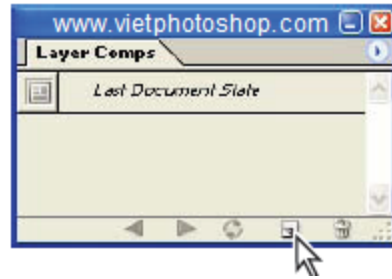
2. Kéo Layer Comps ra khỏi Palette Well và để nó ở chỗ nào bạn thấy thuận tiện để nhìn thấy cả sửa số hình ảnh và Layer Palette. Bạn có thể đóng một vài những palette không cần thiết như Navigator, Color và Character Palette lại)

3. Di chuyển và nới rộng Layer Palette ra nếu cần để bạn có thể nhìn thấy toàn bộ các layer trong đó.

4. Trong Layer Palette, nhấn vào biểu tượng con mắt của layer **Mai 18** để ẩn nó đi. Trong cửa sổ hình ảnh, chọn để hiển thị layer **May 18**



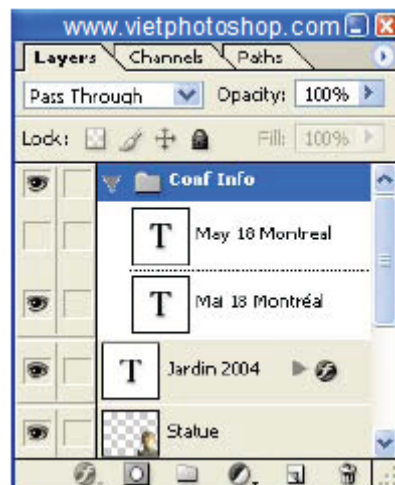
5. Trong Layer Comps Palette, nhấp chuột vào nút Create New Layer Comp ở dưới cuối cùng của Layer Palette.



6. Trong hộp thoại New Layer Comp, bạn gõ English cho lựa chọn name và đánh dấu ba hộp kiểm như hình dưới.



7. Sử dụng biểu tượng con mắt trong Layer Palette để hiển thị layer "**Mai 18**" nhưng ẩn layer "**May 18**" đi



8. Lập lại bước 5 và 6, nhưng lần này gõ chữ French thay vì chữ English cho phần tên của New layer Comp




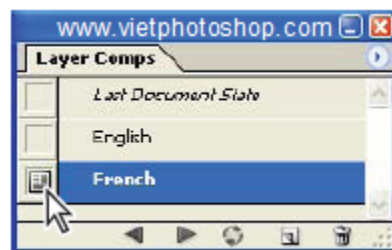
Mặc dù khi bạn thay đổi hình ảnh giữa phiên bản tiếng Anh và tiếng Pháp chỉ thay đổi sự hiển thị của layer đó - thực chất của sự thay đổi này chính là trạng thái của biểu tượng con mắt trên Layer Palette. Bạn sẽ tạo ra một loại thay đổi khác nữa ở phần sau của bài học này. Đó là lý do vì sao bạn đánh dấu chọn ba hộp kiểm dưới hộp văn bản Apply to Layers khi bạn định dạng cho Layer Comp.

Vậy điều gì sẽ xảy ra nếu bạn chỉ chọn một lựa chọn là Visibility? Bạn phải quay lại và chọn nốt hai lựa chọn kia, Reset lại trạng thái của layer cũ (trả biểu tượng con mắt về vị trí ban đầu) và sau đó thì cập nhật Layer Comp.

Sử dụng Layer Comp để xem những khác biệt của tài liệu

Phần này là phần thú vị nhất của Layer Comp: chuyển tới chuyển lui một tài liệu. Mặc dù trạng thái của hai layer chỉ khác nhau ở mỗi tình trạng ẩn hoặc hiện của nó, chỉ cần một chút tưởng tượng thôi là bạn đã có thể thấy rằng Layer Comp giúp bạn tiết kiệm thời gian và công sức như thế nào khi bạn phải làm việc với những hình phức tạp hơn nhiều.

1. Nếu biểu tượng Apply Layer Comp  chưa xuất hiện ở Layer Comp French, nhấp vào ô vuông để hiển thị nó. Ở cửa sổ hình ảnh sẽ hiện layer chữ "Mai 18" và ẩn layer chữ "May 18" đi.



2. Nhấp chuột vào ô English Layer Comp. Nút Apply Layer Comp sẽ xuất hiện bên cạnh layer English Layer Comp thay vì French Layer Comp và trên cửa sổ hình ảnh bạn sẽ thấy hai layer chữ hoán đổi vị trí hiển thị cho nhau.

3. Trong Layer Palette, chọn biểu tượng con mắt của layer chữ "Jardin 2004" để ẩn nó đi. Trong Layer Comps Palette, bạn sẽ thấy biểu tượng Apply Layer Comp bây giờ hiển thị bên cạnh Last Document State chỉ ra rằng thiết lập hiện tại không nằm trong thông tin của Layer Comp.

4. Trong Layer Comp Palette, nhấp vào ô vuông bên cạnh French Layer Comp để hiển thị biểu tượng Apply Layer Comp. Hình ảnh trên cửa sổ sẽ quay trở lại trạng thái khi bạn xác định cho Layer Comp này với hai layer chữ "Jardin" và "Mai 18" được hiển thị

5. Nhấp chuột vào ô Last Document State.

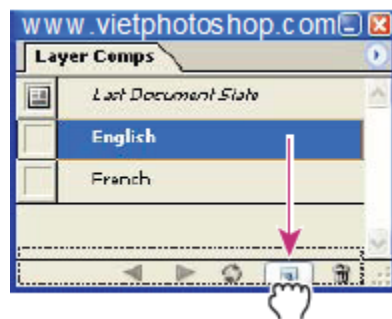
Bây giờ hình ảnh xuất hiện như khi chúng ta làm ở bước 3, với layer Jardin được ẩn và thông tin là English.

Nhân đôi và chỉnh sửa Layer Comp

Cũng giống như những thành phần khác được liệt kê trong các Palette khác nhau của Photoshop, bạn có thể kéo Layer Comp đến những biểu tượng ở dưới cùng của Palette và sử dụng Layer Comp Palette để chỉnh sửa chúng. Bạn không cần phải hiển thị biểu tượng Apply Layer Comp cho một layer comp bất kỳ để nhân đôi, xoá hoặc chỉnh sửa tùy chọn của nó.

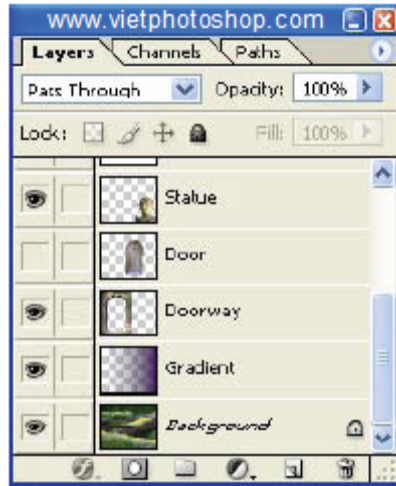
1. Trong Layer Comp Palette, nhấp vào ô vuông English Layer Comp để áp dụng Layer Comp cho hình ảnh.

2. Kéo và thả Layer Comp English vào nút Create New Layer Comp ở dưới cùng của Layer Comp Palette.



3. Nhấp đúp vào tên của Layer Comp vừa được tạo (English copy) để chọn nó và gỡ English No Door.

4. Trên Layer Palette, nhấp vào biểu tượng con mắt của layer Door để ẩn nó đi.



Trong Layer Comp Palette, biểu tượng Apply Layer Comp sẽ xuất hiện bên cạnh Last Document State layer comp, nhưng layer comp English No Door vẫn được chọn.

5. Nhấp chuột vào nút Update Layer Comp để cập nhật layer comp English No Door. Biểu tượng Apply Layer Comp quay lại cạnh bên English No Door layer comp và hình cánh cửa vẫn được ẩn.

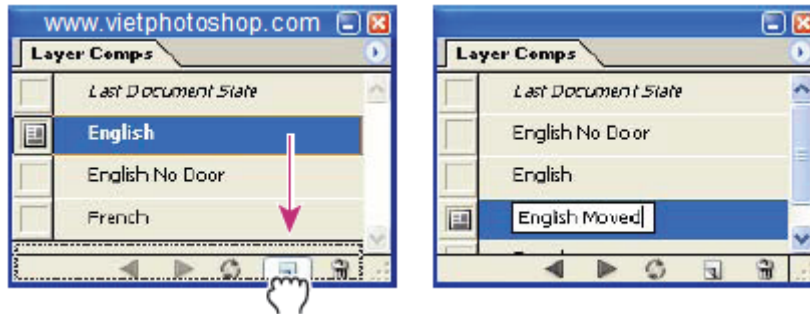



6. Lần lượt từng cái một, nhấp vào ô vuông trong Layer Comps Palette để hiển thị biểu tượng Apply Layer Comp bên cạnh 3 layer comp đã được xác định. Khi bạn thay đổi từ layer comp này sang layer comp khác, thử xem kết quả của nó ở cửa sổ hình ảnh.

Tạo layer comp cho những thay đổi về vị trí

Bây giờ bạn đã thấy được cách mà Layer Comp làm việc với những trạng thái ẩn hoặc hiện của các layer, cho nên điều đó không khó để tượng tượng ra cách làm việc của Layer Comp với việc bạn thay đổi vị trí của một layer trên cửa sổ hình ảnh. Phần này của bài học sẽ hướng dẫn bạn cách làm việc với sự thay đổi vị trí của layer kết hợp với Layer Comp.

1. Trong Layer Comp Palette, nhấp vào ô vuông của layer comp English (Không phải là English No Door) để hiển thị nút Apply Layer Comp.
2. Kéo và thả English Layer Comp vào biểu tượng Create New Layer Comp và sau đó nhấp đúp vào nó và gõ chữ English Moved để đặt lại tên cho layer comp copy này.



3. Trong Layer Palette, chọn layer chữ "May 18" và sau đó chọn công cụ Move  trong hộp công cụ.
4. Trong cửa sổ hình ảnh, kéo layer chữ "May 18" và đặt nó xuống dưới layer "Jardin" In the image window, drag the "May 18"



5. Nhấn vào nút Update Layer Comp.

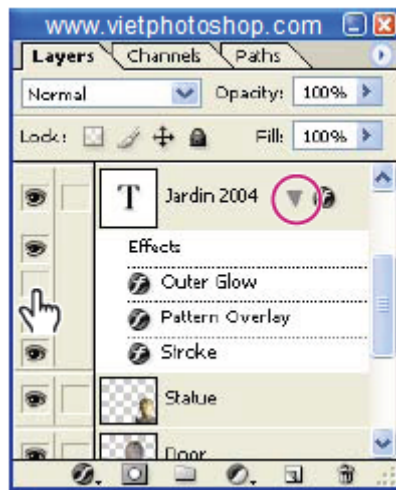



6. Kiểm tra kết quả bằng cách đặt biểu tượng Apply Layer Comp vào layer comp English trước sau đó là layer comp English Moved.

Tạo layer comp cho những thay đổi về Style

Bạn đã thực hành với 2 trong ba lựa chọn mà bạn chọn ở dưới Apply to Layer Comps khi bạn xác định cho mỗi layer comp của mình là: Visibility và Position. Tiếp theo, bạn sẽ làm việc với sự thay đổi trong lựa chọn thứ 3: Appearance. Appearance bao gồm sự thay đổi cả về độ rõ mờ cũng như những thay đổi về Layer Style. Trong phần này của bài học, bạn sẽ xác định Layer Comp cho những layer có Layer Style khác với những layer comp khác.

1. Trong Layer Comp Palette, nhấn vào ô vuông của layer comp English Moved để hiển thị biểu tượng Apply Layer Comp.



3. Trong Layer Comp Palette, nhấp chọn nút Create New Layer Comp 

4. Trong hộp thoại New Layer Comp, gỡ English Moved No Glow và đánh dấu chọn cả 3 lựa chọn (nếu chưa được chọn) trước khi bạn nhấn OK.

Giữ nguyên English Moved No Glow được chọn trên Layer Comp Palette.

Xem thử kết quả của Layer Comps

Bạn đã biết cách chuyển từ Layer Comp này sang Layer Comp khác bằng cách cho hiển thị nút Apply Layer Comp. Bây giờ bạn sẽ học một cách đơn giản hơn để di chuyển với tất cả các Layer Comp trên Layer Comp Palette.

1. Nhấp chuột vào ô vuông để hiển thị biểu tượng Apply Layer Comp vào Layer Comp trên cùng của Layer Comp Palette.



2. Nhấp chuột vào mũi tên bên phải ► ở dưới cùng của Layer Comp Palette. Bạn sẽ thấy biểu tượng Apply Layer Comp di chuyển sang Layer Comp thứ hai theo thứ tự từ trên xuống và trong cửa sổ hình ảnh sẽ thay đổi theo những thiết lập của Layer Comp đó.

3. Nhấn vào nút mũi tên bên trái ◀. Biểu tượng Apply Layer Comp sẽ di chuyển ngược lại lên phía Layer Comp nằm trên nó.

4. Nhấn vào mũi tên bên phải vài lần để xem những sự khác nhau bạn vừa tạo ra.

5. Chọn File > Save. C

Hãy tưởng tượng Layer Comp giúp bạn tiết kiệm bao nhiêu thời gian nếu bạn phải trình bày cho ai đó về những sự thay đổi sắp xếp của layer như ở trên. Layer Comp sẽ trở thành một công cụ rất giá trị nếu phần thiết kế đòi hỏi phải thay đổi liên tục hoặc khi bạn muốn tạo ra những phiên bản khác nhau của cùng một tài liệu.

Chúc mừng bạn! bạn đã hoàn thiện bài học về những điều cần biết về Layer. Bài học này chỉ là bước khai phá cho những tính năng và khả năng linh hoạt của layer khi bạn tiếp tục tìm hiểu về cách sử dụng layer và layer comp trong Photoshop. Bạn sẽ được thực hành và học thêm nhiều kỹ năng về layer trong hầu hết các chương của cuốn sách này. Bạn sẽ sử dụng layer comps trong ImageReady tổ chức quá trình tạo hình động tốt hơn.

Câu hỏi ôn tập:

1. Sử dụng layer có những lợi ích gì?
2. Bạn làm cách gì để ẩn hoặc hiện một layer?
3. Bạn làm thế nào để hiển thị chi tiết của layer này xuất hiện trên layer khác?

4. Bạn làm cách gì để nhân đôi layer cùng một lúc.
5. Khi bạn hoàn thành công việc, bạn làm cách gì để giảm thiểu độ lớn của tài liệu.
6. Mục đích của Layer Comp là gì và chúng được sử dụng vào việc gì?

Đáp án:

1. Layer cho phép bạn chỉnh sửa những vùng khác nhau của hình như một phần tách biệt.
2. Biểu tượng con mắt (👁) ở góc trái của tên layer trong layer Palette chỉ ra rằng layer đó đang được hiển thị. Bạn có thể ẩn hoặc hiện một layer bằng cách nhấn vào biểu tượng này.
3. Bạn có thể thể hiện chi tiết của layer này lên trên layer khác bằng cách thay đổi layer đó lên trên hoặc xuống dưới theo thứ tự sắp xếp trên layer Palette hoặc bằng cách sử dụng Layer > Arrange > Commands: Bring to Front, Bring Forward, Send to Back và Send Backward. Nhưng bạn không thể thay đổi vị trí của layer Background.
4. Bạn có thể liên kết nhiều layer với nhau để chỉnh sửa bằng cách chọn một trong số những layer bạn muốn liên kết ở trên layer Palette, và sau đó nhấp vào ô vuông cạnh tên của layer đó. Khi đã được liên kết, cả hai layer sẽ được di chuyển, xoay vòng, và định dạng cùng một lúc.
5. Bạn có thể Flatten hình ảnh, để gộp tất cả các layer thành một layer Background.
6. Layer Comps tạo ra sự kết hợp đa dạng giữa những thiết lập của layer chỉ bằng vài cú nhấp chuột. Những thiết lập này có thể bao gồm sự ẩn hiện của một layer, vị trí của layer và các layer Effect như là Opacity và Layer Style. Trong Photoshop, Layer Comps thực sự trở nên hữu dụng khi bạn phải tạo ra những sự lựa chọn khác nhau về mặt thiết kế hoặc kết quả cuối cùng đòi hỏi phải có nhiều phiên bản trên cùng một file, và mỗi một phiên bản trong số đó lại phục vụ một loại đối tượng khác hàng khác nhau. Trong ImageReady, Layer Comps có thể giúp bạn tiết kiệm vô khối thời gian trong việc tạo hình Gif động, bạn sẽ học thêm về nó ở chương 18 "Hình động cho trang web của bạn".

© www.vietphotoshop.com - Dịch bởi Bá tước Monte Cristo

[\[Trang chủ\]](#) | [\[Photoshop CS\]](#) | [\[Chương 6\]](#)